

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được thành lập theo Quyết định số 482 – QĐ/UB ngày 01 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369 QĐ/UB ngày 13 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0303000132 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 07 tháng 11 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, vật liệu xây dựng
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
- San lấp mặt bằng
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ du lịch

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Sài Sơn, Thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bông	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Duy Quý	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Long	Thành viên
Ông Vương Văn Long	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Năng	Thành viên
Ông Phùng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Bông	Giám đốc
Ông Vương Văn Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Quý	Phó Giám đốc
Ông Ngô Thành Đồng	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sài Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2009.

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Văn Bông



Số: ~~18~~/2009/BC.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn được lập ngày 16 tháng 01 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Trần Thu Loan

Chứng chỉ KTV số: 0921/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.900.305.463	117.555.472.527
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		7.611.486.799	16.859.619.948
111	1. Tiền	3	7.611.486.799	16.859.619.948
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		240.000.000	35.505.686.480
121	1. Đầu tư ngắn hạn	4	240.000.000	35.505.686.480
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.460.152.199	57.436.371.187
131	1. Phải thu khách hàng		3.914.372.130	5.125.814.055
132	2. Trả trước cho người bán		80.898.981.284	48.775.633.594
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.109.884.835	3.734.923.538
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(463.086.050)	(200.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho		13.444.863.603	7.053.435.490
141	1. Hàng tồn kho	6	13.444.863.603	7.053.435.490
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		143.802.862	700.359.427
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		68.967.272	591.091.047
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		74.835.590	109.268.379
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		75.355.373.615	32.688.958.987
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		75.172.873.615	29.346.458.987
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.547.361.426	8.300.910.647
222	- Nguyên giá		50.677.848.707	44.790.782.907
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.130.487.281)	(36.489.872.300)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	1.817.600	1.817.600
228	- Nguyên giá		(1.817.600)	(1.817.600)
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	64.625.512.189	21.045.548.300
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		182.500.000	3.342.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	10	182.500.000	3.342.500.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		183.255.679.078	150.244.431.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.799.745.559	40.392.936.671
310	I. Nợ ngắn hạn		19.548.823.389	40.220.558.632
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	2.483.570.000	4.130.990.934
312	2. Phải trả người bán		5.563.166.918	10.490.882.513
313	3. Người mua trả tiền trước		2.290.061.655	15.586.437.686
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.683.608.803	3.579.768.683
315	5. Phải trả người lao động		1.649.567.408	1.232.848.727
316	6. Chi phí phải trả	13	84.294.335	308.181.545
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	1.794.554.270	4.891.448.544
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		250.922.170	172.378.039
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		250.922.170	172.378.039
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.455.933.519	109.851.494.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	162.319.309.814	108.841.617.339
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		47.600.000.000	27.742.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.078.590.000	4.800.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		56.462.466.073	46.956.662.302
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.624.719.000	1.174.200.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.551.723.478	28.166.943.774
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.811.263	1.811.263
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.136.623.705	1.009.877.505
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.086.623.705	959.877.505
432	2. Nguồn kinh phí	16	50.000.000	50.000.000
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		183.255.679.078	150.244.431.515

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		373.209.935	354.549.935
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Sài Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

Nguyễn Đình Quyền

Kế toán trưởng

Phùng Minh Tuấn



Giám đốc
Nguyễn Văn Bồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	253.307.777.033	185.063.279.910
11	2. Giá vốn hàng bán	18	201.371.913.962	146.910.230.986
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.935.513.071	38.151.188.925
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.514.302.771	4.965.244.001
22	5. Chi phí tài chính	20	160.001.305	240.926.978
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		83.826.305	240.926.978
24	6. Chi phí bán hàng		4.238.263.966	4.629.377.514
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.189.699.348	4.505.400.686
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.861.851.223	33.740.727.748
31	9. Thu nhập khác		71.690.652	176.083.890
32	10. Chi phí khác		161.480.196	183.804.000
40	11. Lợi nhuận khác		(89.789.544)	(7.720.110)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.772.061.679	33.733.007.638
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	6.457.636.202	4.722.621.070
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>39.314.425.477</u>	<u>29.010.386.568</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		12,583	10,705

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VNĐ

Người lập biểu



Nguyễn Đình Quyền

Kế toán trưởng



Phùng Minh Tuấn

Sài Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2009

Giám đốc



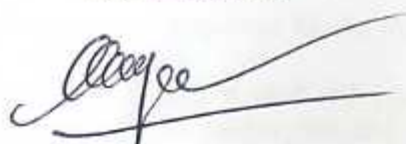

Nguyễn Văn Bồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

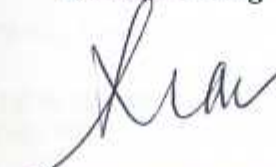
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		45.772.061.679	33.733.007.638
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.692.250.341	3.323.351.347
03	- Các khoản dự phòng			-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			-
06	- Chi phí lãi vay		83.826.305	240.926.978
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.548.138.325	37.297.285.963
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.243.958.990	(539.056.696)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.391.428.115	(1.094.604.503)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.881.275.294)	9.896.556.614
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(522.123.773)	(109.573.299)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(83.826.305)	(211.742.700)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.357.524.128)	(3.176.008.842)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	858.603.918
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.270.746.545)	(2.226.983.926)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.068.029.385	40.694.476.529
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(59.344.420.171)	(48.313.595.520)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.700.000.000)	(86.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.260.000.000	94.694.313.520
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.160.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.514.302.771	4.865.189.001
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(60.110.117.400)	(35.354.092.999)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		41.136.590.000	7.173.480.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		9.183.252.000	8.666.500.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.830.672.934)	(6.580.368.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.695.214.200)	(3.113.116.853)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.793.954.866	6.146.495.147
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.248.133.149)	11.486.878.677
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.859.619.948	5.372.741.271
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		7.611.486.799	16.859.619.948

Người lập biểu



Nguyễn Đình Quyển

Kế toán trưởng



Phùng Minh Tuấn

Sài Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2009



Giám đốc

Nguyễn Văn Bông